

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG NĂNG
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 45/2024/DS-ST

Ngày: 23 - 9 - 2024.

“V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NĂNG – TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Ngọc San.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Đình Long và ông Phan Ngọc Đài.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Công Hà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Ngân – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2024 tại Tòa án nhân dân huyện Krông Năng tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 112/2024/TLST - DS ngày 05 tháng 7 năm 2024 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2024/QĐXXST - DS ngày 20 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 50/2024/QĐST - DS ngày 06 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Vũ Thị A (Có mặt).

Địa chỉ: Buôn S, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị đơn: Ông Hồ Văn N và bà Nguyễn Thị A1 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn H, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Vũ Thị A trình bày:

Vào ngày 09/02/2021 bà (Vũ Thị A) cho ông Hồ Văn N và bà Nguyễn Thị A1 vay số tiền là 313.000.000đ (Ba trăm mười ba triệu đồng) thời hạn vay từ ngày 09/02/2021 đến ngày 09/3/2021, lãi suất thỏa thuận là 2%/tháng. Việc vay tiền được lập giấy tay, ông N và bà A1 đã ký nhận tại mục người vay.

Khi đến hạn trả nợ cho đến nay, mặc dù bà đã yêu cầu nhiều lần, nhưng ông N và bà A1 cố tình trốn tránh, không thực hiện việc trả nợ gốc, nợ lãi. Vì vậy, bà đã khởi kiện ông N và bà A1 tại Tòa án.

Tại đơn khởi kiện bà yêu cầu Tòa án buộc ông Hồ Văn N và bà Nguyễn Thị A1 trả số tiền nợ tính đến ngày làm đơn khởi kiện (Ngày 24/6/2024) là 568.199.000đ (Năm trăm sáu mươi tám triệu một trăm chín mươi chín ngàn đồng), bao gồm: Nợ gốc là 313.000.000đ, nợ lãi là 255.199.000đ (Mức lãi tính theo thỏa thuận là 2%/tháng). Yêu cầu tiếp tục tính lãi cho đến khi trả xong nợ.

Nay bà xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu tính lãi suất, cụ thể hiện nay bà yêu cầu buộc ông N và bà A1 trả số tiền nợ tính đến ngày làm đơn khởi kiện (Ngày 24/6/2024) là 524.295.000đ, bao gồm: Nợ gốc là 313.000.000đ, nợ lãi là

211.295.000đ (Tính theo mức lãi 1,66%/tháng). Yêu cầu tiếp tục tính lãi 1,66%/tháng đối với số nợ gốc, kể từ ngày 25/6/2024 cho đến khi trả xong nợ.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành triệu tập họp lệ nhiều lần, nhưng các bị đơn đều vắng mặt không có lý do. Để có căn cứ giải quyết vụ án, theo yêu cầu của nguyên đơn, Tòa án đã tiến hành trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết “Hồ Văn N” và “Nguyễn Thị A1” ở mục “Bên B (Người vay tiền)” tại Giấy vay tiền lập ngày 09 tháng 02 năm 2021 với chữ ký, chữ viết “Hồ Văn N” và “Nguyễn Thị A1” ở các mục “Các đương sự tham gia phiên họp”, “Các đương sự tham gia phiên hòa giải” của Biên bản phiên họp công khai chứng cứ, Biên bản phiên hòa giải và Biên bản hòa giải thành lập ngày 19/7/2024 - Có phải do cùng một người (Ông Hồ Văn N và bà Nguyễn Thị A1) ký và viết ra hay không.

Tại kết luận giám định số 1190/KL – KTHS ngày 16/8/2024 của Phòng K - Công an tỉnh Đ kết luận: Chữ ký, chữ viết “Hồ Văn N” và “Nguyễn Thị A1” ở mục “Bên B (Người vay tiền)” tại Giấy vay tiền lập ngày 09 tháng 02 năm 2021 (Tài liệu do nguyên đơn cung cấp) với chữ ký, chữ viết “Hồ Văn N” và “Nguyễn Thị A1” tại các tài liệu mẫu so sánh do Tòa án thu thập đều do cùng một người (ông Hồ Văn N và bà Nguyễn Thị A1) ký và viết ra.

*** Tại phần tranh luận, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến, trong đó trình bày:**

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đầy đủ và đúng các quy định của bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn tuân thủ pháp luật, tuân thủ nội quy phiên tòa và sự điều khiển của chủ tọa phiên tòa. Bị đơn không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự, vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, mặc dù đã được triệu tập họp lệ lần thứ 2. Vì vậy, việc HĐXX xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự, chấp nhận yêu cầu của bà Vũ Thị A, buộc ông Hồ Văn N và bà Nguyễn Thị A1 phải trả cho bà Vũ Thị A số tiền nợ gốc 313.000.000đ và tiền lãi suất kể từ thời điểm vay cho đến khi trả xong nợ, mức lãi suất 1,66%/tháng.

Về án phí và chi phí tố tụng: Đề nghị buộc bị đơn phải chịu toàn bộ tiền án phí và toàn bộ chi phí giám định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, tài liệu khác, lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa hôm nay các bị đơn vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ 2. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Căn cứ vào yêu cầu của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ thu thập có trong hồ sơ, HĐXX xét thấy: Bà Vũ Thị A cho rằng đã cho ông Hồ Văn N và bà Nguyễn Thị A1 vay tiền, nhưng không thực hiện việc trả nợ nên đã khởi kiện tại Tòa án. Vì vậy, HĐXX

xác định đây là Tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS, thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Krông Năng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 BLTTDS.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

Bà Vũ Thị A khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Hồ Văn N và bà Nguyễn Thị A1 trả số tiền nợ tính đến ngày làm đơn khởi kiện (Ngày 24/6/2024) là 524.295.000đ, bao gồm: Nợ gốc là 313.000.000đ, nợ lãi là 211.295.000đ (Tính theo mức lãi 1,66%/tháng). Yêu cầu tiếp tục tính lãi 1,66%/tháng đối với số nợ gốc, kể từ ngày 25/6/2024 cho đến khi trả xong nợ, HĐXX xét thấy:

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần, tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án cũng như Thông báo kết quả phiên họp giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, đồng thời thông báo kết luận giám định cho các bị đơn. Tuy nhiên các bị đơn không có mặt để làm việc và cũng không có ý kiến phản hồi khi nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án và không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vì vậy Tòa án căn cứ vào các tài liệu do nguyên đơn cung cấp và các tài liệu đã thu thập trong quá trình giải quyết vụ án để làm căn cứ giải quyết vụ án. Cụ thể như sau:

+ Về yêu cầu trả nợ gốc: Căn cứ vào các tài liệu đã thu thập đã có cơ sở xác định: Ngày 09/02/2021 bà Vũ Thị A đã cho ông Hồ Văn N và bà Nguyễn Thị A1 vay số tiền 313.000.000đ (Ba trăm mười ba triệu đồng), thời hạn vay từ ngày 09/02/2021 đến ngày 09/3/2021. Kể từ thời điểm thụ lý đơn khởi kiện của bà A cho đến thời điểm xét xử, ông N và bà A1 không cung cấp cho Tòa án bất kỳ tài liệu nào để xác định ông N và bà A1 đã trả nợ cho bà A, khoản nợ trên đã quá thời hạn thanh toán. Như vậy, yêu cầu khởi kiện của bà A về việc yêu cầu trả số nợ gốc 313.000.000đ là có căn cứ, cần chấp nhận.

+ Về yêu cầu tính lãi suất: Theo nội dung thỏa thuận tại giấy vay tiền thì khoản nợ được tính lãi suất là 2%/tháng và là khoản vay có xác định thời hạn. Hiện nay bà A yêu cầu tính lãi suất đối với số nợ gốc kể từ thời điểm vay đến khi trả xong nợ với mức lãi suất 1,66%/tháng (Tương đương 20%/năm) là đúng quy định của pháp luật, cần chấp nhận. Như vậy, khoản nợ lãi của ông N và bà A1 đối với bà A đến ngày xét xử cụ thể như sau:

* $313.000.000đ \times 1,66\%/tháng \times 43 tháng 14 ngày = 225.844.000đ$ (Tính tròn số).

- Cộng nợ gốc và nợ lãi tính đến ngày xét xử: $313.000.000đ + 225.844.000đ = 538.844.000đ$

[3]. Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, cần được chấp nhận.

Từ những phân tích nêu trên, để đảm bảo quyền lợi cho bên bị vi phạm, HĐXX xét thấy cần áp dụng các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự, chấp nhận yêu cầu của bà Vũ Thị A, buộc ông Hồ Văn N và bà Nguyễn Thị A1 phải trả cho bà A số tiền tính đến ngày xét xử là 538.844.000đ, tiếp tục tính lãi suất 1,66%/ tháng đối với số nợ gốc cho đến khi trả xong nợ.

[4]. Về chi phí tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, do các bị đơn không có mặt, nguyên đơn có yêu cầu trưng cầu giám định để làm căn cứ giải quyết vụ án. Chi phí giám định là 5.400.000đ. Kết quả giám định chứng minh yêu cầu trưng cầu giám định của nguyên đơn là có căn cứ. Do nguyên đơn đã nộp tạm ứng nên bị đơn phải trả lại cho nguyên đơn số tiền này.

[5]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Hồ Văn N và bà Nguyễn Thị A1 là người có lỗi và phải thực hiện nghĩa vụ nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên được trả lại số tiền đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Năng tỉnh Đắk Lắk.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 144; khoản 1 Điều 147; Điều 159, Điều 160; khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271; Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 463, 466, 468, Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị A.

Buộc ông Hồ Văn N và bà Nguyễn Thị A1 phải trả cho bà Vũ Thị A số tiền nợ 538.844.000đ (Năm trăm ba mươi tám triệu tám trăm bốn mươi bốn ngàn đồng), bao gồm: Nợ gốc là 313.000.000đ, nợ lãi là 225.844.000đ.

Tiếp tục tính lãi suất 1,66%/tháng đối với số nợ gốc, kể từ ngày 24/9/2024 cho đến khi trả xong nợ.

2. Về chi phí tố tụng: Ông Hồ Văn N và bà Nguyễn Thị A1 phải nộp 5.400.000đ (Năm triệu bốn trăm ngàn đồng) chi phí giám định.

Hoàn trả cho bà Vũ Thị A 5.400.000đ (Năm triệu bốn trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng chi phí giám định sau khi thu được của ông Hồ Văn N và bà Nguyễn Thị A1.

3. Về án phí: Ông Hồ Văn N và bà Nguyễn Thị A1 phải nộp 25.553.000đ (Hai mươi lăm triệu năm trăm năm mươi ba ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho bà Vũ Thị A số tiền 13.363.000đ (Mười ba triệu ba trăm sáu mươi ba ngàn đồng) đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Năng tỉnh Đắk Lắk theo biên lai số AA/2023/0011667 ngày 27/6/2024.

4. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Năng;
- Chi cục THADS huyện Krông Năng;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

BÙI NGỌC SAN